

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	30.154.831.787	22.630.382.287
Các khách hàng khác	122.896.306	321.800.472
	<hr/>	
	30.277.728.093	22.952.182.759
	<hr/>	

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	30.154.831.787	22.630.382.287
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	321.800.472
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không được đảm bảo, không hưởng lãi và được thu hồi khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	19.703.307	-	-	-
Nguyên vật liệu	17.472.607.382	-	25.721.406.735	-
Công cụ và dụng cụ	14.004.670.042	(9.791.789.103)	17.415.678.254	(10.051.187.428)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.718.558.459	-	18.595.513.166	-
Thành phẩm	17.441.204.630	-	7.631.912.420	-
Hàng hóa	1.185.485	-	6.429.096	-
	<u>65.657.929.305</u>	<u>(9.791.789.103)</u>	<u>69.370.939.671</u>	<u>(10.051.187.428)</u>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	10.051.187.428	10.706.157.481
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(259.398.325)	(654.970.053)
Số dư cuối năm	<u>9.791.789.103</u>	<u>10.051.187.428</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 9.792 triệu VND (1/1/2023: 10.051 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	58.127.038.224	633.323.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.817.646.793
Tăng trong năm	-	7.052.589.000	-	32.000.000	7.084.589.000
Số dư cuối năm	58.127.038.224	640.375.958.475	7.907.289.410	5.491.949.684	711.902.235.793
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	30.281.959.825	579.186.025.448	6.488.799.739	4.853.671.082	620.810.456.094
Khấu hao trong năm	2.539.047.900	11.138.496.709	467.305.824	374.217.471	14.519.067.904
Số dư cuối năm	32.821.007.725	590.324.522.157	6.956.105.563	5.227.888.553	635.329.523.998
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	27.845.078.399	54.137.344.027	1.418.489.671	606.278.602	84.007.190.699
Số dư cuối năm	25.306.030.499	50.051.436.318	951.183.847	264.061.131	76.572.711.795

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 536.003 triệu VND (1/1/2023: 531.163 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.411.941.589
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.277.771.566
Khấu hao trong năm	134.170.023
Số dư cuối năm	1.411.941.589
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	134.170.023
Số dư cuối năm	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 1.412 triệu VND (1/1/2023: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	-	2.952.504.683	2.952.504.683
Tăng trong năm	2.806.300.000	51.552.000	2.857.852.000
Phân bổ trong năm	(116.929.166)	(1.184.148.762)	(1.301.077.928)
Thanh lý	(2.689.370.834)	-	(2.689.370.834)
Số dư cuối năm	-	1.819.907.921	1.819.907.921



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	8.565.850.500	3.894.605.523
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	1.953.780.662	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	1.139.980.063	1.269.779.659
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	-	1.261.710.000
Các nhà cung cấp khác	7.097.306.910	3.683.657.570
	<hr/>	<hr/>
	18.756.918.135	10.109.752.752

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	8.565.850.500	3.894.605.523
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn	1.271.719.288	28.194.276
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ Khí Sa Be Co	174.788.800	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	66.960.000	30.132.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Phân loại lại VND	31/12/2023 VND
Thuế thu nhập cá nhân	467.702.797	(422.175.615)	45.527.182
	467.702.797	(422.175.615)	45.527.182

**(b) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Đã cân trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2023 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	56.484.316.049	620.006.737.540	(621.290.039.322)	-	-	55.201.014.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.482.655.572	13.528.050.743	(13.302.556.597)	-	-	2.708.149.718
Thuế giá trị gia tăng	5.713.163.479	121.968.905.260	(74.788.755.221)	(46.043.789.455)	-	6.849.524.063
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.073.995.051	(651.819.436)	-	(422.175.615)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	75.956.031	(75.956.031)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	134.005.041	(134.005.041)	-	-	-
	64.680.135.100	756.787.649.666	(710.243.131.648)	(46.043.789.455)	(422.175.615)	64.758.688.048

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải trả	18.124.450.000	81.225.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6.164.900.000	5.346.000.000
Phải trả khác	485.860.224	385.320.995
	24.775.210.224	5.812.545.995

**15. Vay ngắn hạn**

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	107.991.732.877	648.361.731.834	(708.753.464.711)	47.600.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	VND	2,80%	47.600.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	VND	6,60% - 7,00%	-	58.257.450.063
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	VND	6,22% - 7,00%	-	49.734.282.814
			47.600.000.000	107.991.732.877

Các khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất thả nổi hàng năm của từng ngân hàng tại ngày giải ngân và được dùng để tài trợ cho vốn lưu động của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	4.308.717.679	3.851.815.941
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 17)	4.010.000.000	4.307.901.738
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	(808.770.623)	(81.585.979)
Sử dụng trong năm	(3.426.395.208)	(3.769.414.021)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.083.551.848	4.308.717.679





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	75.598.480.839	295.724.737.949
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	57.585.455.479	57.585.455.479
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(4.307.901.738)	(4.307.901.738)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	81.585.979	81.585.979
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(96.426.685)	(96.426.685)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	74.861.193.874	294.987.450.984
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	49.391.277.953	49.391.277.953
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(4.010.000.000)	(4.010.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	808.770.623	808.770.623
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(99.373.915)	(99.373.915)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	84.951.868.535	305.078.125.645

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**19. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 7 tháng 4 năm 2023 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 cho các cổ đông là 36.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu, trong đó đã tạm ứng cho các cổ đông là 18.000 triệu VND trong năm 2022 (2022: 36.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021).

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 186/2023/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2023 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 18.000 triệu VND, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu.

**20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

2-2  
IÁI  
✓ T  
16  
j c

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	4.865.529.770	4.024.621.964
Từ hai đến năm năm	19.462.119.080	16.098.487.856
Sau năm năm	136.640.294.374	117.049.422.120
	<hr/>	<hr/>
	160.967.943.224	137.172.531.940
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	100,47	2.423.646	100,11	2.413.428
EUR	73,72	1.970.343	94,80	2.533.766
		<hr/>		<hr/>
		4.393.989		4.947.194
		<hr/>		<hr/>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.014.500.000	3.291.000.000
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	602.559.021.439	624.261.293.205
▪ Doanh thu khác	7.932.211.734	4.333.340.909
	<hr/> 610.491.233.173	<hr/> 628.594.634.114
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.434.704.089	-
	<hr/> 609.056.529.084	<hr/> 628.594.634.114

**23. Giá vốn hàng bán**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	540.096.596.246	553.635.080.085
▪ Điều chỉnh chi phí nhân viên năm trước	-	(1.797.413.630)
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(259.398.325)	(654.970.053)
▪ Giá vốn khác	3.092.018.810	449.127.749
	<hr/> 542.929.216.731	<hr/> 551.631.824.151

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	20.133.563.598	11.267.606.827
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	54.734.474	98.279.263
	<hr/> 20.188.298.072	<hr/> 11.365.886.090



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	573.099.083	471.835.476
Chi phí công cụ, dụng cụ	456.680.602	731.176.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.224.065.523	2.044.824.683
Chi phí bán hàng khác	202.640.571	240.189.813
	<hr/>	<hr/>
	2.456.485.779	3.488.026.230
	<hr/>	<hr/>

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	9.136.004.368	9.158.206.095
Chi phí vật liệu văn phòng	1.000.405.775	746.848.892
Chi phí khấu hao và phân bổ	317.522.402	315.744.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.609.030.073	4.071.739.502
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.862.203.059	2.012.992.156
	<hr/>	<hr/>
	16.925.165.677	16.305.531.269
	<hr/>	<hr/>

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	480.624.597.986	500.352.252.372
Chi phí nhân công và nhân viên	36.329.991.314	36.112.523.270
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.653.237.927	15.251.928.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.185.636.945	16.266.371.442
Chi phí khác	9.517.404.015	3.442.306.118
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	12.868.232.543	14.082.655.572
Dự phòng thiếu trong những năm trước	659.818.200	35.515.466
	<hr/> 13.528.050.743	<hr/> 14.118.171.038
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	50.777.832	129.573.394
	<hr/> 13.578.828.575	<hr/> 14.247.744.432

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	62.970.106.528	71.833.199.911
	<hr/> 12.594.021.306	<hr/> 14.366.639.982
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.594.021.306	14.366.639.982
Chi phí không được khấu trừ thuế	324.989.069	331.689.848
Dự phòng thiếu trong những năm trước	659.818.200	35.515.466
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây	-	(486.100.864)
	<hr/> 13.578.828.575	<hr/> 14.247.744.432

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	49.391.277.953	57.585.455.479
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.010.000.000)	(4.307.901.738)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>45.381.277.953</u>	<u>53.277.553.741</u>

(\*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 18.000.000 cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.154.885.859.320	1.230.382.352.600
Cung cấp dịch vụ	101.359.520	-
Bán bao bì luân chuyển	45.910.050	-
Mua nguyên vật liệu	404.652.608.337	426.646.053.112
Trả nguyên vật liệu	-	3.193.628.699
Cổ tức đã công bố	18.760.000.000	28.140.000.000
Cổ tức đã trả	9.380.000.000	28.140.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Bán bao bì luân chuyển	4.219.806.444	4.235.463.400
Cung cấp dịch vụ	333.695.700	718.653.506
Mua dịch vụ	6.014.861.827	710.104.422
Mua bao bì luân chuyển	-	2.806.300.000
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b>		
Mua hàng hóa	558.000.000	554.280.000
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây</b>		
Cổ tức đã công bố	1.800.036.000	2.700.054.000
Cổ tức đã trả	900.018.000	2.700.054.000
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	80.910.000	56.724.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc</b>		
Mua hàng hóa	919.442.130	822.281.450
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	250.000.000	1.654.400.000
Mua hàng hóa	472.080.000	769.950.000
Mua tài sản cố định	2.657.500.000	-
<b>Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	65.774.545	-



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000	130.000.000
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hà – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Đoàn Tiến Dũng – Thành viên	91.000.000	3.190.000
Ông Lê Viết Quý – Thành viên (từ ngày 7 tháng 4 năm 2023)	68.654.000	-
Bà Văn Thảo Nguyên – Thành viên (đến ngày 6 tháng 4 năm 2023)	22.346.000	91.000.000
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên	-	59.810.000
Ông Trương Hùng Dũng – Thành viên	-	21.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.327.849.769	2.361.830.782
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Lê Thị Hiền – Trưởng ban	267.396.207	392.989.384
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga – Thành viên	52.000.000	52.000.000

**31. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Viết Quý  
Giám đốc



